

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án phát triển kết cấu hạ tầng
đường thủy nội địa tạm thời trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giao thông vận tải: Số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa; số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh tại Hội nghị UBND tỉnh thường kỳ tháng 12/2020;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1641/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; số 391/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm thời tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải (tại các Văn bản: Số 119/TTr-SGTVT ngày 23/10/2020, số 314/BC-SGTVT ngày 23/10/2020 và số 60/SGTVT-QLCL ngày 15/01/2021), kèm theo Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm thời tỉnh Phú Yên do Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải lập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm thời trên địa bàn tỉnh Phú Yên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu của Phương án

- Sắp xếp mạng lưới cảng, bến thủy nội địa, định hướng phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa một cách hợp lý, đảm bảo nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ xếp, dỡ hàng hoá đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Phát triển cảng, bến thủy nội địa đồng bộ, tạo kết nối giữa vận tải thủy nội địa với các phương thức vận tải khác.

- Công bố danh mục các tuyến đường thủy nội địa địa phương; công bố đóng, mở đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; đề xuất các tuyến cần nạo vét và thanh thải chướng ngại vật để bảo đảm an toàn giao thông theo cấp kỹ thuật trên các tuyến vận tải đường thủy nội địa.

- Ban hành quyết định phân cấp và điều chỉnh cấp kỹ thuật tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương;

- Xây dựng phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa sẽ được cập nhật, bổ sung vào “Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

2. Những nội dung chính của Phương án

2.1. Tuyến đường thủy nội địa:

Phát triển 27 tuyến đường thủy, trong đó: 09 tuyến đường thủy nội địa trên sông; 03 tuyến đường thủy nội địa nội khu vực các đầm, vịnh; 09 tuyến đường thủy nội địa ven bờ; 04 tuyến đường thủy nội địa từ bờ ra đảo; 02 tuyến đường thủy nội địa liên tỉnh.

2.2. Cảng, bến thủy nội địa:

a) Phát triển cảng, bến thủy nội địa phục vụ vận chuyên hàng hóa

Đến năm 2030, phát triển 07 cảng hàng hóa hỗ trợ phát triển các Khu công nghiệp và cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt (tại Quyết định 106/QĐ-UBND ngày 20/1/2014), cụ thể:

- *Cảng biển Vũng Rô*: Phát triển cảng bến thủy nội địa kết hợp cảng biển. Đến năm 2030 đạt công suất 1.500 ngàn tấn/năm theo quy hoạch nhóm cảng biển số IV được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt (tại Quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 29/7/2016 về việc quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung bộ giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

- *Các cảng cá: Phú Lạc, Đông Tác, Tiên Châu, Dân Phước*: Được nâng cấp theo kế hoạch phát triển cảng cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên được UBND tỉnh phê duyệt (tại Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 về việc quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030).

- *Cảng Hòa Phú, cảng Hòa Hiệp*: Phát triển gắn với Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu và khu công nghiệp Hòa Hiệp.

b) Phát triển cảng, bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách:

Đến năm 2030, phát triển 60 bến, cảng thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, trong đó:

- *Khu vực thành phố Tuy Hòa*: Phát triển 04 bến thủy nội địa, trong đó có 01 bến thủy gắn với cảng cá Đông Tác;

- *Khu vực thị xã Sông Cầu*: Phát triển 21 bến thủy nội địa, trong đó có 01 bến thủy nội địa kết hợp với cảng cá Dân Phước, 01 bến kết hợp với cầu cảng Hòa Phú;

- *Khu vực thị xã Đông Hòa*: Phát triển 08 bến thủy nội địa, trong đó có 01 bến kết hợp với cảng biển Vũng Rô, 01 bến kết hợp với cảng cá Phú Lạc;

- *Khu vực huyện Tuy An*: Phát triển 14 bến thủy nội địa, trong đó có 01 bến kết hợp với cảng cá Tiên Châu, 01 bến kết hợp bến chợ nổi Phú Sơn;

- *Khu vực huyện Phú Hòa*: Phát triển 04 bến thủy nội địa;

- *Khu vực huyện Tây Hòa*: Phát triển 02 bến thủy nội địa;

- *Khu vực huyện Đồng Xuân*: Phát triển 03 bến thủy nội địa;

- *Khu vực huyện Sơn Hòa*: Phát triển 02 bến thủy nội địa;

- *Khu vực huyện Sông Hinh*: Phát triển 02 bến thủy nội địa;

3. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng **949.828 triệu** đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn xã hội hóa khoảng : 945.408 triệu đồng;

- Nguồn vốn ngân sách khoảng: 4.420 triệu đồng.

4. Các chính sách, giải pháp

4.1. Cơ chế chính sách, giải pháp quản lý Nhà nước:

Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác mở - lập - xây dựng cảng, bến thủy nội địa.

Công bố công khai phương án phát triển cảng bến nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư và đảm bảo tính minh bạch.

Các công trình cảng, bến khi được cấp phép đầu tư xây dựng phải đảm bảo phù hợp với không gian kiến trúc đô thị trong quy hoạch chung của tỉnh.

Tăng cường kết nối, nâng cao hiệu quả và phát triển hài hòa các phương thức vận tải.

Lập tổ công tác chuyên ngành, rà soát cường chế các bến thủy nội địa không phép, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, không đáp ứng về an toàn giao thông luồng tuyến trong quá trình neo đậu phương tiện thủy ra vào cảng, bến.

Khuyến khích dịch vụ cho thuê một phần hạ tầng kết cấu cảng thủy nội địa, đầu tư một số cảng có quy mô lớn tại các vị trí trung tâm, trọng yếu thực hiện chức năng thu gom và trung chuyển hàng hóa. Hệ thống cảng bến thủy nội địa phải được đầu tư xây dựng, khai thác theo Phương án đã được duyệt nhằm tránh dàn trải khi đầu tư và gây lãng phí.

Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn kiên quyết giải tỏa những bến hoạt động trái phép, không đảm bảo an toàn, xâm phạm công trình giao thông,...

Tăng cường các dịch vụ trên bờ để hỗ trợ cảng, bến phát triển như các khu du lịch, khu nghỉ dưỡng,...

4.2. Cơ chế chính sách và giải pháp thu hút vốn đầu tư:

Tăng cường các nguồn vốn xã hội hoá; kêu gọi các doanh nghiệp, tập đoàn lớn vào đầu tư xây dựng cảng, bến kết hợp với phát triển du lịch và phục vụ chuỗi cung ứng Logistics.

Tăng cường xúc tiến đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển cảng, bến bằng các hình thức theo quy định. Khuyến khích các nhà đầu tư thuộc khu kinh tế, khu công nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư trung tâm Logistics, đầu tư vào kết cấu hạ tầng cảng, bến và hạ tầng kết nối cảng, bến.

Xây dựng tiêu chí quản lý chất lượng công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; tăng cường công tác bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Tăng cường công tác triển khai Quyết định số 47/2015/QĐ-TTg ngày 05/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải thủy nội địa.

Thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện dự án nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa theo quy định, đặc biệt là vùng nước các cảng, bến thủy trên các tuyến đường thủy nội địa: Sông Ba, sông Đà Rằng, sông Đà Nông, sông Kỳ Lộ....

Tạm dừng hoặc xử lý nghiêm các nhà thầu cố tình chậm triển khai dự án duy tu, nạo vét nhằm tận thu sản phẩm, cũng như vi phạm các quy định khác.

Xây dựng kế hoạch thanh thải chướng ngại vật nhằm khai thác tối đa hiệu quả hệ thống hạ tầng đường thủy nội địa hiện có; tăng cường công tác bảo vệ hành lang an toàn giao thông để phục vụ khai thác.

4.3. Cơ chế chính sách và giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông:

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chức năng thực hiện rà soát, xây dựng phương án phòng ngừa, phân công trách nhiệm đối với từng cơ quan của địa phương trong việc xử lý các vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn giữa phương tiện thủy và công trình vượt sông trên địa bàn, tập trung đối với những công trình cầu đường bộ và đường sắt; kiên quyết xử lý triệt để đối với những công trình, cảng bến hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình vượt sông để nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Ban an toàn giao thông của tỉnh tập trung chỉ đạo khắc phục những tồn tại, bất cập tại các vị trí có nguy cơ cao xảy ra tai nạn giao thông liên quan đến một số công trình vượt sông.

Vào dịp lễ tết bố trí thêm lực lượng tuần tra, giám sát, đảm bảo an ninh trật tự nhằm giảm tải tình trạng ùn ứ, mất an toàn tại các bến tàu vận tải hành khách.

Sở Giao thông vận tải phối hợp với các ban, ngành tỉnh và các địa phương tăng cường thanh kiểm tra hoạt động của các bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh, xử phạt nghiêm các cảng, bến thủy không đảm bảo an toàn.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa trên hệ thống thông tin đại chúng và thông tin cơ sở (truyền thanh xã, phường, cơ quan, tuyên truyền trực tiếp) cho người dân bằng các hình thức sát thực, phù hợp với từng đối tượng.

4.4. Cơ chế chính sách và giải pháp về phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng kỹ thuật:

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ trong công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng công tác điều tra, thống kê, tạo nhiều diễn đàn trao đổi, làm mới các kênh, hình thức thông tin trực tiếp giao tiếp với doanh nghiệp, người dân, các đơn vị chức năng liên quan để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, phục vụ cho công tác xây dựng chính sách bám sát với thực tiễn.

Áp dụng giao thông thông minh trong quản lý, vận hành khai thác các cảng, bến thủy nội địa. Ứng dụng khoa học công nghệ trong đầu tư trang thiết bị bốc xếp hàng hóa tại các cảng, bến thủy nội địa.

Xây dựng Danh bạ hệ thống cảng bến thủy nội địa để hoàn thiện trên trang web của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về hạ tầng đường thủy, công cụ thu nhập, tích hợp, lưu trữ và cung cấp dữ liệu theo thời gian và xây dựng phần mềm phục vụ công tác quản lý, điều hành đường thủy.

4.5. Cơ chế chính sách và giải pháp phát triển nguồn nhân lực:

Sở Giao thông vận tải kết hợp với Cảng vụ đường thủy nội địa các khu vực chú trọng công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý cảng, bến thủy nội địa có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực công tác vững vàng...

Nâng cao chất lượng quản lý của các chủ cảng, bến thủy nội địa. Thu hút các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế trong công tác đào tạo cho các lãnh đạo, cán bộ nòng cốt của UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải và các doanh nghiệp về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa cũng như trình độ, hiểu biết của các nhân viên trong lĩnh vực hoạt động của cảng, bến thủy nội địa như việc cảng, bến hoạt động sao cho hiệu quả, các chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực đường thủy nội địa, công tác đảm bảo an toàn tại cảng, bến....

Xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực đường thủy nội địa và các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, đồng thời phát triển nguồn nhân lực và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo.

4.6. Cơ chế chính sách và giải pháp bảo vệ môi trường

Kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường trong thực hiện dự án đầu tư và khai thác vận tải, khai thác cảng, bến. Tăng cường khả năng thích ứng của hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Các dự án xây dựng cảng thủy nội địa, khu neo đậu tránh trú bão; dự án nạo vét luồng đường thủy nội địa: Cảng sông, cảng biển tiếp nhận tàu trọng tải từ 1.000 DWT trở lên; khu neo đậu tránh trú bão tiếp nhận tàu trọng tải từ 1.000 DWT trở lên; nạo vét với khối lượng từ 50.000 m³/năm trở lên phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược theo quy định (tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường).

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường đối với phương tiện thủy nội địa cho các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị thiết kế, cơ sở sửa chữa đóng mới, chủ các phương tiện thủy nội địa...

Kiểm tra định kỳ, thường xuyên và có hình thức xử phạt đối với các phương tiện thủy vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường được quy định tại Thông tư số 61/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ GTVT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa.

Các đơn vị chức năng của thành phố, thị xã, huyện, thị trấn, xã, phường phối hợp đẩy mạnh công tác quản lý, kiểm tra hoạt động của các bến chở khách trong việc đảm bảo giữ vệ sinh môi trường.

Trong quá trình xây mới, nâng cấp cảng, bến thủy nội địa phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường đến các cấp, cơ quan có thẩm quyền.

Tuyên truyền đến người dân, hành khách tham gia hoạt động tại các cảng, bến thủy nội địa về đảm bảo môi trường nước.

5. Các nội dung khác: Theo Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm thời tỉnh Phú Yên do Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải lập, được Sở Giao thông vận tải thẩm định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải:

Chịu trách nhiệm về nội dung trình phê duyệt; tổ chức công bố Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm thời trên địa bàn tỉnh Phú Yên nhằm cung cấp thông tin đến với các nhà đầu tư và chủ cảng, bến thủy nội địa.

Chủ trì, phối hợp với các sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm thời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế để khuyến khích đầu tư phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, đặc biệt cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp phép đầu tư và thành lập liên doanh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành, địa phương liên quan thống nhất ý kiến trước khi thỏa thuận, chấp thuận bến thủy nội địa cho các tổ chức, cá nhân; việc cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa được thực hiện sau khi bến được cấp phép xây dựng, đã thi công hoàn thành, có hồ sơ nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Trong quá trình triển khai thực hiện phương án, yêu cầu các chủ đầu tư dự án cảng, bến thủy nội địa thực hiện lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về ảnh hưởng đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước khi thực hiện đầu tư cảng, bến trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Hàng năm tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cân đối ngân sách triển khai thực hiện phương án, bố trí vốn đầu tư công cho các dự án ưu tiên đầu tư trong điều kiện nguồn vốn ngân sách tỉnh có khả năng đảm bảo.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công cho các dự án đầu tư phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Sở Xây dựng:

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc triển khai các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ với công trình hạ tầng các khu bến thủy nội địa và giám sát chất lượng các công trình liên quan đến đường thủy nội địa để bảo đảm kỹ thuật chất lượng, mỹ quan đô thị.

4. Sở Tài chính:

Trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính phối hợp Sở Giao thông vận tải tham mưu UBND tỉnh về nguồn kinh phí chi thường xuyên để đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm tra, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công của các dự án đầu tư phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa tỉnh Phú Yên.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, địa phương liên quan bố trí quỹ đất cho phương án phát triển cảng bến, vùng nước dành cho phát triển các cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cảng, bến thủy nội địa triển khai thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường trong quá trình lập dự án, đầu tư xây dựng và khai thác.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Khuyến khích nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp về du lịch hoạt động tại các cảng thủy nội địa trọng điểm về du lịch trên địa bàn tỉnh; khuyến khích các địa phương, doanh nghiệp, đơn vị sử

dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp đẩy mạnh đầu tư cho đào tạo quản lý, đào tạo tại chỗ và hướng dẫn viên các ngoại ngữ thông dụng, nâng cao nhận thức du lịch cho các cấp, các ngành liên quan đến du lịch thủy nội địa.

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải hoàn thiện cơ chế phối hợp trong hoạt động giao thông vận tải phục vụ du lịch, đặc biệt là bằng đường thủy nội địa.

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về quản lý, khai thác và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch đường thủy nội địa; tăng cường đầu tư trang bị phương tiện, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, tuần tra, kiểm soát trong hoạt động vận tải khách du lịch.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc thỏa thuận, chấp thuận, cấp phép hoạt động bến thủy nội địa; hướng dẫn hồ sơ cấp phép xây dựng công trình cảng, bến thủy nội địa đảm bảo an toàn đường thủy nội địa theo đúng quy định...

8. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh trong việc quản lý các bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về quản lý, khai thác và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường thủy nội địa

9. Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn:

Chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc quản lý, cấp phép hoạt động bến thủy nội địa, kết hợp cảng biển tổng hợp Vũng Rô. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về quản lý Nhà nước và đảm bảo trật tự an toàn giao thông vùng nước hàng hải trong vịnh Vũng Rô và vịnh Xuân Đài.

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển, các lực lượng chính quyền địa phương và doanh nghiệp cảng trong hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh trật tự.

Tổ chức thực hiện công tác phòng chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải và phối hợp thực hiện quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu tại cảng biển và khu vực quản lý.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc công bố đến UBND cấp xã và các doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn để biết và thực hiện.

Quản lý, thực hiện các nội dung Đề án, nhất là đối với quỹ đất để phục vụ phát triển đề án theo phân cấp của tỉnh đối với các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa phận và phạm vi quản lý.

Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ cấp huyện cả về kiến thức quản lý và kỹ thuật theo nhu cầu của từng địa phương.

Điều 3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa tạm thời tỉnh Phú Yên sau khi được phê duyệt, sẽ được tổ chức cập nhật, bổ sung vào “Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” theo chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 4977/UBND-ĐTĐD ngày 27/9/2019.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC 1:**DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên tuyến	Điểm đầu tuyến	Điểm cuối tuyến	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)
I	Tuyến đường thủy nội địa liên tỉnh			120	
1	Tuyến kết nối vịnh Vũng Rô - Khu Kinh tế Vân Phong	Cảng Vũng Rô	Cầu cảng Vạn Giã	70	50
2	Tuyến kết nối Vịnh Xuân Đài - Vịnh Quy Nhơn	Bến du lịch Long Nam Hải	Cảng cá Quy Nhơn	50	50
II	Tuyến đường thủy nội địa trên sông			132	
1	Tuyến du lịch trên Sông Ba	Cửa Đà Diễn	Đập Đồng Cam	36	15-30
2	Tuyến du lịch trên Sông Bàn Thạch	Cửa Đà Nông	Cầu Bến Củi - Tây Hòa	31	15-30
3	Tuyến du lịch trên Sông Kỳ Lộ	Cầu Lò Gốm, Tuy An	Cầu La Hai, Đồng Xuân	15	15-30
4	Tuyến du lịch trên Sông Bình Bá	Đập Tam Giang	Cửa Tiên Châu	8,5	15-30
5	Tuyến du lịch trên Sông Tam Giang	Vịnh Xuân Đài	Đập Tam Giang (Tx.Sông Cầu)	2,5	15-30
6	Tuyến du lịch trên Sông Chùa	Ngọc Lãng	Đền thờ Lương Văn Chánh, Phú Hòa	12	15-30
7	Tuyến vận tải khách qua Sông Ba	Hòa Quạt, Sơn Thành Đông, Tây Hòa	Hòa Định Tây, Phú Hòa	1	30-50
8	Tuyến vận tải khách qua Sông Ba	Buôn Hóc, Sơn Hòa	Buôn Học, Sông Hinh	1	30-50
9	Tuyến du lịch tham quan trên Đầm Ô Loan	An Cư - An Hải - An Ninh Đông		25	30-50
III	Tuyến đường thủy nội địa ven bờ biển			125	
1	Vũng Rô - Bãi Môn	Cảng Vũng Rô	Bến du lịch Bãi Môn	15	50
2	Bãi Môn - Cửa Đà Nông	Bến du lịch Bãi Môn	Cảng Phú Lạc	10	50
3	Cửa Đà Nông - Cửa Đà Diễn	Cảng Phú Lạc	Bến du lịch phường 6	20	50
4	Cửa Đà Diễn - Long Thủy	Bến du lịch phường 6	Bến du lịch Long Thủy	10	50
5	Long Thủy - Gành Đá Đĩa	Bến du lịch Long	Gành Đá Đĩa	25	50

TT	Tên tuyến	Điểm đầu tuyến	Điểm cuối tuyến	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)
		Thủy			
6	Gành Đá Đĩa - Vịnh Xuân Đài	Gành Đá Đĩa	Cảng Tiên Châu	5	50
7	Vịnh Xuân Đài - Đầm Cù Mông	Cảng Tiên Châu	Bến du lịch Hòa Lợi	20	50
8	Đầm Cù Mông - Bãi biển Xuân Hải	Bến du lịch Hòa Lợi	Bãi biển Xuân Hải	15	50
9	Bãi biển Xuân Hải - Bãi biển Bãi Bàng	Bãi biển Xuân Hải	Bãi biển Bãi Bàng	5	50
IV	Tuyến đường thủy nội địa từ bờ ra đảo			22	
1	Phước Đồng (An Hải) - Cù Lao Mái Nhà	Bến du lịch An Hải	Cù Lao Mái Nhà	5	50
2	Long Thủy - Hòn Chùa - Hòn Dứa	Long Thủy	Hòn Chùa	4	50
3	Hòn Chùa - Cù Lao Mái Nhà	Hòn Chùa	Cù Lao Mái Nhà	10	50
4	Long Thủy - Hòn Chùa - Tp. Tuy Hòa	Bến du lịch phường 6	Bến du lịch Long Thủy	3	50
V	Tuyến đường thủy nội địa nội khu			105	
1	Tuyến đường thủy trên vịnh Vũng Rô	Kết nối Khu di tích lịch sử tàu không số - Hòn Nưa - Bãi Chính		20	30-50
2	Tuyến đường thủy trên vịnh Xuân Đài	Kết nối các khu Nhất Tự Sơn - Cù Lao Ông Xá - còn Đám Cả - khu Nuôi trồng thủy sản		45	30-50
3	Tuyến đường thủy trên đầm Cù Mông	Kết nối các khu vực nuôi trồng thủy sản, các điểm du lịch Bãi Tràm, bãi Từ Nham, Vịnh Hòa		40	30-50

PHỤ LỤC 2:
DANH MỤC CẢNG BÊN THỦY NỘI ĐỊA VẬN TẢI HÀNG HÓA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Cảng	Vùng hoạt động	Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030		Ghi chú
			Cỡ tàu lớn nhất (T)	Công suất (Ngàn T/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (T)	Công suất (Ngàn T/năm)	
1	Cảng Vũng Rô	Vịnh Vũng Rô	10.000	1.300	10.000	1.500	Cảng biển tổng hợp quốc gia trong đó kết hợp với vận tải đường thủy nội địa
2	Cảng Phú Lạc	Cửa biển Đà Nông	450	10	450	10	Cảng cá kết hợp với vận tải đường thủy nội địa
3	Cảng Đông Tác	Cửa biển Đà Diễn	700	15	700	15	Cảng cá kết hợp với vận tải đường thủy nội địa
4	Cảng Tiên Châu	Cửa biển Tiên Châu	450	7	450	7	Cảng cá Tiên Châu kết hợp với vận tải đường thủy nội địa, kết nối với cụm Công Nghiệp Tiên Châu
5	Cảng Dân Phước	Vịnh Xuân Đài	350	7	350	7	Cảng cá kết hợp với vận tải đường thủy nội địa
6	Cảng Hòa Phú	Bãi biển Xuân Cảnh	-	-	1.000	500	Gắn với khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu, kết hợp du

			Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030		
							lịch và cảng hàng hóa
7	Cảng Hòa Hiệp	Bãi Biên Hòa Hiệp Trung	-	-	1.000	500	Gắn với khu công nghiệp Hòa Hiệp có thể kết hợp giữa cảng hàng hóa và du lịch.

PHỤ LỤC 3:
DANH MỤC CẢNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên cảng, bến thủy nội địa	Vị trí	Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030	
			Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)
I	Thành phố Tuy Hòa					
1	Bến thủy nội địa Long Thủy	Bãi biển Long Thủy	200	10	200	10
2	Cảng phường 6	Cửa biển Đà Diển	200	10	200	10
3	Cảng cá Đông Tác	Phường Phú Đông	-	-	200	10
4	Bến thủy nội địa Ngọc Lãng	Xã Bình Ngọc	-	-	50	10
II	Thị xã Sông Cầu					
5	Bến thủy nội địa Xuân Lộc	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
6	Bến thủy nội địa Bãi Tràm	Bãi Tràm	50	10	100	10
7	Bến thủy nội địa Hòa Lợi	Bãi biển Hòa Lợi	50	10	100	10
8	Bến thủy nội địa thôn 2 - Xuân Hải	Bãi Rạn - Hòa Lợi	-	-	100	10

TT	Tên cảng, bến thủy nội địa	Vị trí	Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030	
			Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)
9	Cầu cảng Hòa Phú	Biển Xuân Hòa	-	-	100	10
10	Bến thủy nội địa Vịnh Hòa (gắn với phân khu du lịch Bắc Từ Nham)	Bãi biển Vịnh Hòa	50	10	100	10
11	Bến thủy nội địa Từ Nham (gắn với phân khu du lịch cao cấp Nam Từ Nham)	Bãi biển Từ Nham	50	10	100	10
12	Bến thủy nội địa Phú Dương	Đầm Cù Mông	50	10	100	10
13	Bến thủy nội địa Vũng Chèo	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
14	Bến thủy nội địa Mỹ Hải	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
15	Cầu cảng du lịch Vũng Lắm	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
16	Bến thủy nội địa Cù lao Ông Xá	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
17	Bến thủy nội địa Lệ Uyên Đông	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
18	Bến thủy nội địa Phước Lý	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
19	Bến thủy nội địa Long Hải Nam	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10

TT	Tên cảng, bến thủy nội địa	Vị trí	Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030	
			Cỡ tàu lớn nhất (ghế)	Công suất (Ngàn HK/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (ghế)	Công suất (Ngàn HK/năm)
20	Cảng cá Dân Phước	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
21	Bến thủy nội địa Vịnh Xuân Đài	Vịnh Xuân Đài	50	10	100	10
22	Bến thủy nội địa trên sông Tam Giang	Sông Tam Giang	50	10	100	10
23	Bến thủy nội địa Bãi Nôm	Bãi biển Bãi Nôm	-	-	200	10
24	Bến thủy nội địa Bãi Ôm	Bãi biển Bãi Ôm	-	-	200	10
25	Bến thủy nội địa bờ kè Xuân Hải	Đầm Cù Mông	50	10	100	10
III	Thị xã Đông Hòa					
26	Cảng Vũng Rô	Vịnh Vũng Rô	200	10	200	10
27	Bến thủy nội địa Bãi Chính	Vịnh Vũng Rô	50	10	100	10
28	Bến thủy nội địa khu di tích Tàu Không Số	Vịnh Vũng Rô	50	10	100	10
29	Bến thủy nội địa Bãi Môn	Biển Phú Yên	50	10	100	10
30	Cảng cá Phú Lạc	Cửa	-	-	200	10

TT	Tên cảng, bến thủy nội địa	Vị trí	Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030	
			Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)
		biển Đà Nông				
31	Bến thủy nội địa Hòn Nưa	Biển Phú Yên	50	10	100	10
32	Bến Thủy nội địa KDL Euro park	Bãi Ngà	150	10	150	10
33	Bến TND khu du lịch nghỉ dưỡng Hòn Nưa (trên bờ)	Vịnh Vũng Rô	50	10	100	10
IV	Huyện Tuy An					
34	Bến thuyền du lịch đầm Ô Loan	Đầm Ô Loan	50	10	100	10
35	Bến thuyền du lịch tại cầu Long Phú	Đầm Ô Loan	50	10	100	10
36	Bến thuyền du lịch Cù lao Mái Nhà	Cù Lao Mái Nhà	50	10	100	10
37	Bến thuyền du lịch An Hải	Bãi biển An Hải	50	10	100	10
38	Cảng cá Tiên Châu	Cửa biển Tiên Châu	200	10	200	10
39	Bến thuyền du lịch Bãi Xếp	Bãi biển Bãi Xếp	-	-	200	10
40	Bến thuyền du lịch trên đảo Hòn Chùa	Hòn Chùa	200	10	200	10
41	Bến thuyền du lịch trên sông tại cầu Lò Gốm	Cầu Lò Gốm	-	-	50	5

TT	Tên cảng, bến thủy nội địa	Vị trí	Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030	
			Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)
		(sông Kỳ Lô)				
42	Bến chợ nổi Phú Sơn	Cửa thông thủy Đầm Ô Loan	150	10	150	10
43	Bến tàu du lịch khu nghỉ dưỡng Đầm Ô Loan	Cửa thông thủy Đầm Ô Loan	50	10	50	10
44	Bến tàu du lịch An Hải	Cửa thông thủy Đầm Ô Loan	150	10	150	10
45	Bến tàu du lịch Wonderland Phú Yên	Biển Đông	200	10	200	10
46	Bến tàu du lịch đầm Ô Loan	Đầm Ô Loan	50	10	50	10
47	Bến thủy nội địa hồ Đồng Tròn	Hồ Đồng Tròn	-	-	50	10
V	Huyện Tây Hòa					
48	Bến khách ngang sông Ba	Sông Ba (xã Sơn Thành Đông)	50	5	50	5
49	Bến thủy nội địa trên sông Bàn Thạch (cầu Bến Củi)	Cầu Bến Củi (Hòa	-	-	50	5

TT	Tên cảng, bến thủy nội địa	Vị trí	Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030	
			Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)
		Thịnh)				
VI	Huyện Phú Hòa					
50	Bến thủy nội địa khu Hòa Trị	Đền thờ Lương Văn Chánh	-	-	50	5
51	Bến thủy nội địa Đồng Cam	Đập Đồng Cam	-	-	50	5
52	Bến khách ngang sông Ba	Xã Hòa Định Tây	50	5	50	5
53	Bến thủy nội địa Hòa An	Xã Hòa An	-	-	50	5
VII	Huyện Đồng Xuân					
54	Bến thủy nội địa hồ Sen	Hồ Sen	-	-	50	5
55	Bến thủy nội địa hồ Kỳ Châu	Hồ Kỳ Châu	-	-	50	5
56	Bến thủy nội địa hồ Phú Xuân	Hồ Phú Xuân	-	-	50	5
VIII	Huyện Sơn Hòa					
57	Bến khách ngang sông Ba	Xã Krông Pa, huyện Sơn Hòa	50	5	50	5
58	Bến thủy nội địa hồ Suối Bùn	Hồ suối Bùn	-	-	50	5
IX	Huyện Sông Hinh					
59	Bến khách ngang sông Ba	Xã Ea Lâm,	50	5	50	5

TT	Tên cảng, bến thủy nội địa	Vị trí	Phương án phát triển đến năm 2025		Phương án phát triển đến năm 2030	
			Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (ghé)	Công suất (Ngàn HK/năm)
		huyện Sông Hinh				
60	Bến thủy nội địa hồ thủy điện sông Hinh	Hồ thủy điện sông Hinh	50	5	50	5

**PHỤ LỤC 4:
TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số 89 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Kinh phí (tr.đ)	Nguồn lực	Ghi chú
A	Xây dựng cảng bến thủy	147.608	Xã hội hóa	
	Xây dựng cầu tàu	117.285	Xã hội hóa	
	Xây dựng nhà chờ	23.750	Xã hội hóa	
	Trang thiết bị khác	5.400	Xã hội hóa	
	Giao thông kết nối	1.182,5	Xã hội hóa	
B	Đào tạo nghiệp vụ	4.000	Xã hội hóa	
	Hỗ trợ đào tạo nghề	400		10 năm
C	Thiết bị tuần tra, kiểm soát, phao tiêu, biển báo	4.420		2 tỷ đồng/chiếc
	Thuyền máy cao tốc	4.000	NSNN	02 chiếc
	Phao tiêu	420	NSNN	
D	Nạo vét tuyến			
	Khối lượng nạo vét	793.800	Xã hội hóa	
	Tổng cộng	949.828		

PHỤ LỤC 5:
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên bến	Nguồn vốn	Ghi chú
I	Tuyến đường thủy nội địa		
1	Tuyến đường thủy nội địa trên vịnh Vũng Rô	NSNN	Đối với các tuyến thủy nội địa. Nguồn kinh phí hàng năm từ ngân sách được dùng cho việc đầu tư kết cấu hạ tầng trên tuyến như biển báo, phao tiêu,...
2	Tuyến đường thủy nội địa vịnh Xuân Đài	NSNN	
3	Tuyến đường thủy nội địa trên đầm Cù Mông	NSNN	
4	Tuyến đường thủy nội địa trên đầm Ô Loan	NSNN	
5	Tuyến đường thủy nội địa Vũng Rô - Bãi Môn	NSNN	
6	Tuyến đường thủy nội địa Cửa Đà Diên - Long Thủy	NSNN	
7	Tuyến đường thủy nội địa Long Thủy - Gành Đá Đĩa	NSNN	
8	Tuyến đường thủy nội địa Gành Đá Đĩa - Vịnh Xuân Đài	NSNN	
9	Tuyến đường thủy nội địa Vịnh Xuân Đài - Đầm Cù Mông	NSNN	
10	Tuyến đường thủy nội địa Phước Đồng (An Hòa Hải) - Cù lao Mái Nhà	NSNN	
11	Tuyến đường thủy nội địa Long Thủy - Hòn Chùa - Hòn Dứa	NSNN	
12	Tuyến đường thủy nội địa Hòn Chùa - Cù Lao Mái Nhà	NSNN	
13	Tuyến đường thủy nội địa Long Thủy - Hòn Chùa - Tp. Tuy Hòa	NSNN	
II	Cảng bến thủy nội địa		
1	Bến thủy nội địa Long Thủy	Xã hội hóa	Bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa Long Thủy - Hòn Chùa - Tp. Tuy Hòa
2	Cảng phường 6	Xã hội hóa	
3	Cảng Vũng Rô	Xã hội hóa	
4	Bến thủy nội địa Bãi Chính	Xã hội hóa	
5	Bến thủy nội địa khu di tích Tàu	Xã hội hóa	
			Vũng Rô

TT	Tên bến	Nguồn vốn	Ghi chú
	Không Số		
6	Bến thủy nội địa Bãi Môn	Xã hội hóa	
7	Bến thủy nội địa Hòn Nưa	Xã hội hóa	
8	Bến thủy nội địa đầm Ô Loan	Xã hội hóa	Các bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa đầm Ô Loan
9	Bến thủy nội địa tại cầu Long Phú	Xã hội hóa	
10	Bến thủy nội địa Cù lao Mái Nhà	Xã hội hóa	
11	Bến thủy nội địa An Hải	Xã hội hóa	Các bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa
12	Bến thủy nội địa trên đảo Hòn Chùa	Xã hội hóa	
13	Bến thủy nội địa Xuân Lộc	Xã hội hóa	
14	Bến thủy nội địa Bãi Tràm	Xã hội hóa	Bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa trên đầm Cù Mông
15	Bến thủy nội địa Hòa Lợi	Xã hội hóa	
16	Bến thủy nội địa Vĩnh Hòa (gắn với phân khu du lịch Bắc Từ Nham)	Xã hội hóa	
17	Bến thủy nội địa Từ Nham (gắn với phân khu du lịch cao cấp Nam Từ Nham)	Xã hội hóa	
18	Bến thủy nội địa Phú Dương	Xã hội hóa	
19	Bến thủy nội địa bờ kè Xuân Hải	Xã hội hóa	Bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa Xuân Đài
20	Cảng Tiên Châu	Xã hội hóa	
21	Bến thủy nội địa Cù lao Ông Xá	Xã hội hóa	
22	Cầu cảng du lịch Vũng Lắm	Xã hội hóa	
23	Bến thủy nội địa Mỹ Hải	Xã hội hóa	
24	Bến thủy nội địa trên sông Tam Giang	Xã hội hóa	
25	Bến thủy nội địa Long Hải Nam	Xã hội hóa	
26	Cảng Dân Phước	Xã hội hóa	
27	Bến thủy nội địa Long Hải Nam	Xã hội hóa	
28	Bến thủy nội địa Phước Lý	Xã hội hóa	
29	Bến thủy nội địa Lê Uyên Đông	Xã hội hóa	
30	Bến thủy nội địa Vĩnh Xuân Đài	Xã hội hóa	
31	Bến thủy nội địa Vũng Chèo	Xã hội hóa	
32	Bến thủy nội địa vận tải khách ngang sông Ba (huyện Sơn Hòa)	Xã hội hóa	
33	Bến thủy nội địa vận tải khách ngang sông Ba (huyện Sông Hinh)	Xã hội hóa	
34	Bến thủy nội địa vận tải khách ngang sông Ba (huyện Phú Hòa)	Xã hội hóa	
35	Bến thủy nội địa vận tải khách ngang sông Ba (huyện Tây Hòa)	Xã hội hóa	

TT	Tên bến	Nguồn vốn	Ghi chú
36	Bến thủy nội địa trên hồ thủy điện sông Hinh	Xã hội hóa	